

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ban hành "Quy định về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không sử dụng để hoạt động tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng"

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 04 năm 1995;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 05 năm 2000 của Chính phủ ban hành Quy chế bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

Căn cứ Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 03 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không sử dụng để hoạt động tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2006.

Hủy bỏ Quy định về thẻ kiểm soát an ninh trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2868/QĐ-CHK ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 3. Các thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không đã được cấp theo Quy định về thẻ kiểm soát an ninh trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2868/QĐ-CHK ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam có giá trị sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2006.

Điều 4. Các ông (Bà) Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

VỀ THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG SỬ DỤNG ĐỂ HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC KHU VỰC HẠN CHẾ CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BGTVT ngày 30/11/2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này điều chỉnh các vấn đề về thẻ kiểm soát an ninh hàng không cấp cho người, các cơ quan đại diện ngoại giao và giấy phép kiểm soát an ninh hàng không cấp cho phương tiện (sau đây gọi chung là thẻ, giấy phép) sử dụng để hoạt động tại các khu vực hạn chế trong phạm vi hàng rào vành đai của cảng hàng không dân dụng (sau đây gọi chung là khu vực hạn chế của cảng hàng không); thẩm quyền, điều kiện, thủ tục cấp thẻ, giấy phép; sử dụng thẻ, giấy phép; kiểm tra, thanh tra, giám sát, quản lý việc cấp, sử dụng thẻ, giấy phép.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan trong việc quản lý, cấp và sử dụng thẻ, giấy phép để hoạt động tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không.

Điều 2. Nguyên tắc sử dụng thẻ, giấy phép tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng

1. Chỉ những người, cơ quan đại diện ngoại giao, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép mới được hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không theo khu vực ghi trên thẻ, giấy phép.

2. Trong trường hợp khẩn nguy cứu nạn hàng không, người và phương tiện của các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy cứu nạn được phép hoạt động tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không mà không cần thẻ, giấy phép. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ quản của người và phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy cứu nạn có trách nhiệm phối hợp với lực lượng an ninh của cảng hàng không, bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp có trụ sở tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không để kiểm soát hoạt động của những người và phương tiện này.

Điều 3. Các loại thẻ, giấy phép

1. Thẻ kiểm soát an ninh hàng không gồm các loại sau đây:

- a) Thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần cho một hoặc nhiều cảng hàng không;
- b) Thẻ có giá trị sử dụng một lần cho một cảng hàng không.

2. Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không bao gồm các loại sau đây:

- a) Giấy phép có giá trị sử dụng nhiều lần cho một hoặc nhiều cảng hàng không;
- b) Giấy phép có giá trị sử dụng một lần cho một cảng hàng không.

Điều 4. Mẫu thẻ, giấy phép

Mẫu thẻ, giấy phép do Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

Điều 5. Nội dung thẻ, giấy phép

1. Thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần cấp cho người phải có các thông tin sau đây:

- a) Số thẻ;
- b) Thời hạn sử dụng của thẻ;

- c) Họ tên của người được cấp thẻ;
- d) Chức danh của người được cấp thẻ;
- đ) Tên cơ quan, đơn vị của người được cấp thẻ;
- e) Ảnh của người được cấp thẻ;
- g) Khu vực hạn chế được phép hoạt động;
- h) Những thông tin cần thiết cho người sử dụng.

2. Thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần cấp cho cơ quan đại diện ngoại giao phải có các thông tin sau đây:

- a) Số thẻ;
- b) Thời hạn sử dụng của thẻ;
- c) Tên cơ quan đại diện ngoại giao được cấp thẻ;
- d) Khu vực hạn chế được phép hoạt động;
- đ) Những thông tin cần thiết cho người sử dụng ghi tại mặt trước và sau thẻ.

3. Thẻ có giá trị sử dụng một lần phải có các thông tin sau đây:

- a) Số thẻ;
- b) Thời hạn sử dụng của thẻ;
- c) Khu vực hạn chế được phép hoạt động;
- d) Những thông tin cần thiết cho người sử dụng.

4. Giấy phép có giá trị sử dụng nhiều lần phải có các thông tin sau đây:

- a) Số giấy phép;
- b) Thời hạn sử dụng của giấy phép;
- c) Loại phương tiện;
- d) Biển kiểm soát phương tiện;
- đ) Khu vực hạn chế được phép hoạt động;
- e) Cổng vào, cổng ra
- g) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện.

5. Giấy phép có giá trị sử dụng một lần phải có các thông tin sau đây:

- a) Số giấy phép;
- b) Thời hạn sử dụng của giấy phép;

c) Khu vực hạn chế được phép hoạt động.

Điều 6. Phạm vi, thời hạn sử dụng của thẻ, giấy phép

1. Phạm vi sử dụng của thẻ, giấy phép tại một hoặc nhiều cảng hàng không dân dụng được quy định theo ký hiệu bằng chữ cái ở vị trí đầu số thẻ, giấy phép. Quy ước về phạm vi sử dụng của mỗi loại thẻ giấy phép như sau:

a) Chữ A có giá trị sử dụng tại tất cả các cảng hàng không;

b) Chữ B có giá trị sử dụng tại các cảng hàng không thuộc Cụm cảng hàng không khu vực miền Bắc;

c) Chữ T có giá trị sử dụng tại các cảng hàng không thuộc Cụm cảng hàng không khu vực miền Trung;

d) Chữ N có giá trị sử dụng tại các cảng hàng không thuộc Cụm cảng hàng không khu vực miền Nam;

đ) Chữ QT có giá trị sử dụng tại các cảng hàng không quốc tế;

e) Chữ NĐ có giá trị sử dụng tại các cảng hàng không nội địa;

g) Mã hiệu ba chữ cái của một cảng hàng không có giá trị sử dụng tại cảng hàng không đó.

2. Thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần cấp cho người trong ngành hàng không dân dụng có thời hạn sử dụng tối đa là 02 năm; cho người ngoài ngành hàng không dân dụng có thời hạn sử dụng tối đa là 01 năm. Giấy phép có giá trị sử dụng nhiều lần có thời hạn tối đa là 01 năm.

3. Cục Hàng không Việt Nam quy định mã hiệu ba chữ cái của các cảng hàng không ghi trên thẻ, giấy phép.

Điều 7. Các khu vực hạn chế được cấp thẻ, giấy phép

1. Khu vực hạn chế tại cảng hàng không bao gồm:

a) Khu vực cách ly: từ điểm kiểm tra soi chiếu hành khách hoặc điểm làm thủ tục xuất cảnh đến cửa ra tàu bay;

b) Khu vực từ cửa tàu bay đến khu băng chuyền hành lý của nhà ga đến;

c) Khu vực nhận trả hành lý: từ băng chuyền hành lý đến cửa kiểm soát hành lý của nhà ga đến;